

SAFETY JOGGER
INDUSTRIAL

Heavy

WINTERBOX BESTBOOT S3

PROMOBESTB

Hộ p **mùa đông** v ố ớ p **an toàn Bestboot**

Hộ p mùa đông bao gồ m 1 đôi giày bảo h ộ Bestboot, 1 đôi , 1 đôi găng tay lao độ n g mùa đông và mũ Safety Jogger ấm áp

CO_2 2.16 kg

Những vật liệu cao cấp hơn ật Ba ton thu

lót bên trong	Áo choàng
trong Đ	Áo choàng
iữa đế g	Thép
ngoài Đ	PU / PU
u Đứng đầ	Thép
i Loạ	S3 / SRC, CI
Phạm vi kích thước	EU 36-47 / UK 3.5-12.0 / US 4.0-13.0 JPN 22.5-31 / KOR 235-310
ng lượng thép	0.828 kg
ẩn hiêu chu	ASTM F2413:2018 EN ISO 20345:2011



BLK



thép
iữa bằng thép
đâm thủng được làm bằng thép
i hoặc không phủ và ngăn các xâm
nhập từ đế ngoài.



Mũi giày an toàn bằng **thép**
Giá đỡ bằng kim loại chân nặng hoặc rơ
i chắc chắn



SRC
Được kiểm tra trong những tình huống
giày bảo hộ SRC vượt qua cả bài
SRA và SRB, chúng được kiểm
tra trên cả bề mặt thép và gốm.



S3
Giày bảo hộ lao động S3 thích
hợp làm việc trong môi
ẩm cao
và con. Những đôi giày này cũng
bảo vệ chống đế và
nát bàn chân.



lót ấm
Giữ cho đôi chân ấ
trong môi



Cách điện lạnh **(CI)**
Giày bảo hộ cách
chúng
trong môi

SAFETY JOGGER WORKS

HEAD-TO-TOE PROTECTION

ENGINEERED IN EUROPE

www.safetyjogger.com

Công nghiệp **n:**
Hoá h ọạcb , Xây dự n g, Khai thác m ỏ , Dầu khi, Ngành công n ghiệ p

ường: **Môi** t
rư ờn g môi t ạnh , Có t u yế t và bảng giá, môi trường không bắn g phẳn g, môi bùn

Cac hương **dân ba#o tri:**
éo dài t Đ giày, chúng tôi khuyên bạn nên v ệ sinh giày thư ờn g xuyên và bảo v ệ chúng bằng phương pháp cách hàng nhiệt độ phù hợp. Không trên lò s

K

	Sự **miêu** t ả	**EN ISO 20345**	ế t ơn vị u	**đo** l Đ ờn g q
Nhữ n g vật l iệt **Đa** thu **cao** cấp h ơn				
	Top: khả năng thấm hơi nước	? 0.8	1.9	mg/cm/g
	Top: hiệu suất hơi nước	? 15	18.3	mg/cm2
ót bên trong	**Áo choàng**			
	Lớp lót: thấm hơi nước	? 2	120.6	mg/cm/g
	lót: hiệu suất hơi nước	? 20	964.8	mg/cm2
rong Đ	**Áo choàng**			
ệ m chân	Đ ch ố n g mài mòn (khô/ướt) (chu kỳ)	25600/12800	25600/12800	chu kỳ
goài Đ	**PU / PU**			
	Ch ố n g trơn trượt (mài mòn)	? 150	24.3	mm
	a đế ngoài SRA gót chân	? 0.28	0.34	ma sát
	a đế ngoài SRA Phẳn g	? 0.32	0.33	ma sát
	a đế ngoài SRB gót chân	? 0.13	0.16	ma sát
	ế ngoài SRB phẳn g	? 0.18	0.19	ma sát
	ị ch ố Giá t tĩnh điệ n	0.1 - 1000	326	megaohm
	ị ESD Giá t	0.1 - 100	N/A	megaohm
	Hấp thụ năng l ượ g gót chân củ	? 20	40	J
Đ ứ n g đầ	**Thép**			
	Mũi giày an toàn ch ố n g va đập (kh oản g cách sau va đập 100J)	N/A	N/A	mm
	Mũi bảo h ộ ch ố n g nén (kh oản g h ở sau khi nén 10kN)	N/A	N/A	mm
	Mũi giày an toàn ch ố n g va đập (kh oản g cách sau va đập 200J)	? 14	15.5	mm
	Mũi giày an toàn ch ố n g nén (kh oản g h ở sau khi nén 15kN)	? 14	18.0	mm

kích thước thép: 42

a chúng tôi, không có sự thay thế và nhãn hiệu Safety Jogger đã được đăng ký và không được sao chép dưới dạng nào mà không có sự cho phép bằng văn bản của chúng tôi.

hân sinh thái:
Đ

	Sự **miêu** t ả	ế t ơn vị u	**đo** l Đ ờn g q
i **CO#hát** thả			
ất	Sản x u	1.90	kg
	Chuyên ch ở	0.26	kg
		2.16 kg CO2/ cặp	

Tính toán CO2:
rị được làm tròn đến hai chữ số thập phân.
Các phân tích này được thực hiện bằng các công cụ tính toán [illegible] Giầy đổi.